

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CUM'GAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày 09 - 9 - 2020

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Việt Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Ngọc Trí, ông Trần Đình Đào

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Bích Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 207/2020/TLST–HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Bà Lương Thị T - Sinh năm 1979 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 1xx thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Chỗ ở hiện nay: Đường N, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương

**\* Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn P – Sinh năm: 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 1xx thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lương Thị T trình bày:**

Bà và ông Nguyễn Văn P là vợ chồng, kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 19/7/1997.

Quá trình chung sống bà và ông P thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là ông P thường xuyên uống rượu, đánh đập bà. Đến năm

2012 vì không chịu đựng ông P được nữa nên bà T đi Bình Dương làm ăn. Từ 2012 đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Các ngày lễ lớn hàng năm bà T có về thăm con nhưng ông P không cho thăm, thậm chí gây gổ đánh đập. Bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không còn tồn tại đã lâu nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

Về con chung: Bà T và ông P có 03 con chung là các cháu:

1. Nguyễn Văn L - Sinh ngày: 20/3/1997
2. Nguyễn Văn K - Sinh ngày: 20/12/2001
3. Nguyễn Văn H - Sinh ngày: 17/5/2008.

Đối với cháu L và cháu K đã trưởng thành, sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Văn H, bà T đồng ý giao cháu H cho ông P nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Bà đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:** Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung ông P đồng ý với lời khai của bà Lương Thị T. Về mâu thuẫn gia đình ông thừa nhận giữa ông và bà T không hợp tính nết, bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2012 đến nay vợ chồng không chung sống với nhau nữa. Nay bà T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì ông P không đồng ý. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông P trình bày đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Bà T và ông P có 03 con chung là các cháu:

1. Nguyễn Văn L - Sinh ngày: 20/3/1997
2. Nguyễn Văn K - Sinh ngày: 20/12/2001
3. Nguyễn Văn H - Sinh ngày: 17/5/2008.

Đối với cháu L và cháu K đã trưởng thành, sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Văn H, ông P có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Ông P yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con số tiền là 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:** Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật

Tổ tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lương Thị T. Bà T được ly hôn ông P.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn H, sinh 17/5/2008 cho bà Lương Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lương Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000đồng/tháng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là tranh chấp về hôn nhân gia đình, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk..

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Lương Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị T và ông Nguyễn Văn P kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk ngày 19/7/1997, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống bà T và ông P thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là ông P uống rượu, đánh đập bà T. Đến năm 2012 vì không chịu đựng ông P được nữa nên bà T đi Bình Dương làm ăn, đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Xét thấy tình cảm giữa bà T và ông P không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không còn tồn tại đã lâu, vì vậy việc bà T xin ly hôn với ông P là chính đáng cần được chấp nhận.

Về con chung: Bà T và ông P có 03 con chung là cháu Nguyễn Văn L (Sinh ngày: 20/3/1997), Nguyễn Văn K (Sinh ngày: 20/12/2001) và Nguyễn Văn H (Sinh ngày: 17/5/2008), cả ba cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Cháu Nguyễn Văn L và cháu Nguyễn Văn K đã trên 18 tuổi, trưởng thành và sống tự lập, bà T và ông P không yêu cầu giải quyết về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Văn H (Sinh ngày: 17/5/2008) hiện nay chưa đủ 18 tuổi, cháu H đang ở cùng ông P và cũng có nguyện

vọng được ở với bố là ông P, ông P cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Hy đến khi cháu 18 tuổi và bà T cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Văn H cho ông Nguyễn Văn P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét về mức thu nhập và điều kiện sống của bà T, ông P, Hội đồng xử xét thấy bà Lương Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Văn H với số tiền là 1.500.000 đồng/tháng đến khi cháu H đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Lương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị T

Bà Lương Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn P .

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 17/5/2008 cho ông Nguyễn Văn P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Bà Lương Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Văn H với số tiền là 1.500.000 đồng/tháng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Bà Lương Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

**Về án phí:** Bà Lương Thị T phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được trừ khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0009988 ngày 01/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà Lương Thị T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Việt Tuấn**